

Số: /KH-SGDĐT Tây Ninh, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số và Đề án 06 ngành Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh năm 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-BCĐCP ngày 11/9/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06;

Căn cứ Công văn số 5511/BKH-CN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 18/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 28/8/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 1039/KH-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 18/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 299/KH-SGDĐT ngày 25/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Phong trào thi đua “Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” và Phong trào “Bình dân học vụ số” ngành giáo dục;

Căn cứ Công văn số 3687/SGDDDDT-QLCL-CĐS ngày 17/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc góp ý kiến dự thảo Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh năm 2026 và kết quả tổng hợp các ý kiến góp ý.

Sở giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch Thực hiện phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số và Đề án 06 ngành Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh năm 2026 như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hoàn thành các chỉ tiêu theo định hướng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đề ra; hoạt động hiệu lực, hiệu quả dựa trên dữ liệu số và công nghệ số, cung cấp dịch vụ công chất lượng cao.

- Triển khai hiệu quả các mục tiêu về khoa học công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CĐS) trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh Tây Ninh.

- Tái cấu trúc và số hóa toàn diện quy trình quản lý, giảng dạy và học tập, đảm bảo 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị số từ năm học 2025-2026.

- Nâng cao chất lượng giáo dục thông qua ứng dụng công nghệ tiên tiến (AI, Big Data,...) phù hợp đặc thù địa phương.

- Phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chuyển đổi nhận thức và trách nhiệm

- 100% đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về KH-CN, ĐMST và CĐS, báo cáo tiến độ thực hiện hàng quý.

- 100% cán bộ quản lý, công chức, viên chức và người lao động được quán triệt, triển khai đầy đủ các nghị quyết, chương trình, kế hoạch về KH-CN, ĐMST và CĐS.

2.2. Dịch vụ công trực tuyến

- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 85% (đối với thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình).

- Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình đạt 80% (đối với các dịch vụ công trực tuyến cung cấp toàn trình).

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 50% (đối với dịch vụ công có phát sinh giao dịch thanh toán).

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.
- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp bộ, tỉnh đạt 90%.

2.3. Quản trị cơ sở giáo dục

- 100% trường học, cơ sở giáo dục công lập sẵn sàng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí và các giao dịch khác. Số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục đạt trên 90%.
- 100% các đơn vị (từ Mầm non đến THPT) thực hiện tuyển sinh đầu cấp theo hình thức trực tuyến.
- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh phổ thông và giáo dục thường xuyên đạt 100%.

2.4. Kiến tạo thể chế

- Tái cấu trúc tối thiểu 50% quy trình làm việc nội bộ trên môi trường số.
- Ban hành quy chế quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh; quy chế quản lý hồ sơ, sổ sách điện tử tại cơ sở giáo dục.
- 100% các cơ sở giáo dục được đánh giá mức độ CDS theo bộ chỉ số của Bộ GDĐT.

2.5. Hạ tầng và ứng dụng

- Ưu tiên áp dụng các giải pháp, nền tảng công nghệ thông tin (CNTT) mở, bảo đảm tính liên thông, an toàn, phù hợp quy định của cấp thẩm quyền.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành làm nền tảng; hoàn thành chuẩn hóa 100% dữ liệu giáo dục lên CSDL toàn ngành.
- Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, hệ thống thông tin của ngành đảm bảo an toàn theo cấp độ quy định.
- Cung cấp dữ liệu phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đạt 100% (theo danh mục UBND tỉnh ban hành).

2.6. Nguồn lực

- Chủ động đề xuất, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách cho đầu tư hạ tầng số, đào tạo nguồn nhân lực.
- Xây dựng dữ liệu nhu cầu xã hội hóa đến từng cơ sở giáo dục; huy động nguồn lực xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, ... hỗ trợ thực hiện KHCN, ĐMST và CDS.
- Có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đạt trình độ cao đẳng CNTT.
- 100% công chức, viên chức quản lý và giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số.

- Trên 70% công chức, viên chức được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử; 100% đối với đơn vị, vị trí bắt buộc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các chương trình, kế hoạch về KHCN, ĐMST và CDS trong quản lý, dạy - học tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong Ngành.

- Tập trung các hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện. Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ).

- Phát huy vai trò người đứng đầu, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức từ cơ quan quản lý đến các cơ sở giáo dục và cộng đồng về vai trò, lợi ích của KHCN, ĐMST và CDS.

- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Thúc đẩy việc nghiên cứu, sáng tạo và thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục; tổ chức kết nối, thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển CNTT giáo dục trong việc phát triển các sản phẩm ứng dụng, nền tảng giáo dục số; khuyến khích các cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng CNTT để đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, tăng cường sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế bài giảng, bài tập, tận dụng nền tảng LMS (Learning Management System - Hệ thống quản lý học tập) trong dạy học theo hướng cá nhân hóa.

2. Thể chế, chính sách số

- Kịp thời cụ thể hóa các văn bản, hướng dẫn do Bộ GDĐT, Tỉnh ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST, CDS, phát triển Chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, CSDL; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, CSDL của ngành để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Xây dựng các quy định, quy chế phối hợp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành và trong thực hiện cung cấp CSDL chuyên ngành, CSDL liệu mở.

- Đánh giá mức độ CDS của 100% các cơ sở giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch này; tổ chức tổng kết và khen thưởng các tổ chức cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS (căn cứ tỷ lệ hoàn thành số hóa quy trình làm việc và kết quả đánh giá mức độ CDS làm tiêu chí đề xuất khen thưởng).

3. Chuyển đổi nhận thức số

Xây dựng và triển khai Kế hoạch tuyên truyền về chuyển đổi số năm 2026, trong đó tập trung:

- Tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng phát triển KHCN, ĐMST và CDS, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, ngành; vai trò, lợi ích của chuyển đổi số; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tuyên truyền, phòng chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân,... để các toàn thể công chức, viên chức, người lao động của ngành nâng cao nhận thức, tích cực tham gia, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội...

- Chủ động tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số dưới nhiều hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực, ...). Thường xuyên cập nhật thông tin trên chuyên trang chuyển đổi số của Sở GDĐT.

- Tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Nghiên cứu, tham khảo các bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số thành công của các bộ, ngành, địa phương khác tại Cổng thông tin về chuyển đổi số quốc gia (<https://dx.gov.vn>) để vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026, phong trào Bình dân học vụ số, mô hình Đại sứ số - Gia đình số, bảo đảm các hoạt động tiết kiệm, hiệu quả, không hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp, chính quyền.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận dịch vụ chính quyền số.

- Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp trung học cơ sở; khai thác hiệu quả các nền tảng học trực tuyến mở để phổ cập kỹ năng số cho mọi người.

- Tiếp tục vận động, khuyến khích mọi người trước tiên là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức toàn Ngành, học sinh và cha mẹ học sinh tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến của ngành và các ứng dụng, nền tảng của tỉnh. Khai thác hiệu quả các nền tảng số, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước

và người dân, doanh nghiệp (ứng dụng Tây Ninh Smart, Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), ứng dụng hợp không giấy, Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của tỉnh - Tổng đài 1022, kênh Zalo OA, công/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, ...).

4. Phát triển hạ tầng số

- Nâng cấp hệ thống mạng, máy chủ của hệ thống Quản lý giáo dục của ngành, đảm bảo dữ liệu được an toàn và hệ thống được hoạt động thông suốt 24/7 được kết nối đồng bộ để phục vụ phát triển chính quyền số, đô thị thông minh. Tiếp tục xin chủ trương thuê dịch vụ Cloud để đặt máy chủ của hệ thống Quản lý giáo dục.

- Thực hiện kế hoạch chuyển đổi sang IPv6 cho hệ thống mạng cơ quan Sở GDĐT. Rà soát, triển khai nâng cấp, mua sắm thiết bị công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số và đảm bảo theo quy định mua sắm tập trung của tỉnh.

- Đảm bảo 100% các đơn vị trường học được kết nối Internet. Tiếp tục triển khai thực hiện trang cấp các thiết bị CNTT cho các cơ sở giáo dục theo các đề án đã được duyệt.

5. Phát triển dữ liệu số

5.1. Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành và trong cả hệ thống chính trị của tỉnh; tăng cường chia sẻ dữ liệu dùng chung

- Hoàn thiện CSDL dùng chung của ngành theo Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 31/07/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh. Xây dựng CSDL quản lý chất lượng giáo dục đảm bảo quản lý tập trung, thống nhất các vấn đề liên quan công tác quản lý chất lượng giáo dục toàn tỉnh; triển khai giải pháp kết nối, tích hợp các CSDL của ngành đảm bảo chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các CSDL giảm thao tác cho cán bộ, công chức, viên chức (nâng cấp, chỉnh sửa phần mềm, triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu); nâng cấp CSDL quản lý trường học đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện các hoạt động quản lý, điều hành tại các trường học dựa trên hồ sơ điện tử.

Cung cấp dữ liệu mở: Cập nhật đầy đủ dữ liệu trên cổng dữ liệu mở của tỉnh phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

5.2. Triển khai Quyết định số 126/QĐ-BCĐCP ngày 11/9/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai giải pháp kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử. Ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu để làm cơ sở chỉ đạo công tác quản lý, vận hành, khai thác, cập nhật,

chia sẻ dữ liệu.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, các mô hình được giao chủ trì thực hiện theo yêu cầu của Đề án 06 như: Học bạ số, Thanh toán không dùng tiền mặt và Mô hình 26 (Hệ thống quản lý trường học); xác thực thông tin giáo viên và học sinh; Cho phép giáo viên đăng nhập bằng tài khoản VNeID (SSO); Quản lý điểm, lịch học, Rà soát yêu cầu của Đề án 06, việc triển khai các nhóm thủ tục theo Mô hình nghiệp vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia để xác định nội dung, yêu cầu đối với CSDL quản lý trường học, văn bằng, chứng chỉ, học bạ số để nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện các CSDL đảm bảo việc triển khai các nhóm thủ tục liên quan.

- Triển khai xây dựng, nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện CSDL quản lý trường học, văn bằng, chứng chỉ, học bạ số (xin chủ trương mua sắm phần mềm, thực hiện thủ tục mua sắm, triển khai đến các cơ quan, trường học) đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa các cấp học, giữa các trường học trong cùng cấp, giữa các CSDL của ngành để hình thành hệ thống dữ liệu số ngành giáo dục, đảm bảo phục vụ các nghiệp vụ liên quan đến các nhóm thủ tục theo các Mô hình nghiệp vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, thống kê, báo cáo dữ liệu Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh.

6. Phát triển nền tảng số

- Hoàn thành xây dựng CSDL ngành mở rộng toàn tỉnh Tây Ninh, thực hiện tích hợp CSDL quốc gia về GDĐT, kết nối giữa các CSDL của tỉnh, của quốc gia về giáo dục và các hệ thống giáo dục chuyên ngành khác.

- Dựa trên nền tảng hệ thống các phần mềm hỗ trợ quản lý, điều hành, phần mềm quản lý nhà trường đồng bộ với hệ thống CSDL ngành và các hạ tầng thông tin dùng chung khác để tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện.

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các nền tảng số quốc gia đã được công bố. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới (phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học). Tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường, phần mềm xét tốt nghiệp THPT, quản lý văn bằng và quản trị trường học, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

- Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành gồm: Bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học.

7. Nhân lực số

- Thành lập Ban chỉ đạo, nhóm chuyên gia của ngành, các cơ sở giáo dục thành lập tổ phụ trách về KHCN, ĐMST và CDS.

- Tổ chức tập huấn và tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về CNTT, CDS, an toàn thông tin, kỹ năng số cho các cán bộ quản lý, công chức, viên chức các cơ sở giáo dục, triển khai tích hợp nội dung đào tạo công dân số cho học sinh.

- Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp trung học cơ sở. Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thực tiễn.

- Tiếp tục triển khai chương trình giáo dục STEM, tập trung hướng đến công nghệ mới (AI, IoT, vật liệu mới, môi trường, y học,...) và gắn với nông nghiệp, du lịch địa phương.

- Tăng cường tham gia các khóa đào tạo chuyển đổi số do Sở Khoa học và Công nghệ, Bộ GDĐT tổ chức.

8. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục chuyển đổi nhận thức và hành động nâng cao ý thức trách nhiệm, đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn thông tin số trong hoạt động của cơ quan. Phổ biến và triển khai kịp thời các hướng dẫn đảm bảo công tác an toàn, an ninh thông tin của các cơ quan Bộ, Ngành, UBND tỉnh và của Sở Khoa học và Công nghệ cho cán bộ, lãnh đạo, công chức, viên chức của ngành. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị có liên quan triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin của ngành. Tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Rà soát Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin đã được duyệt, cập nhật, bổ sung, nâng cấp, thiết lập những yêu cầu quản lý an toàn thông tin chưa đáp ứng; thực hiện nguyên tắc hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng. Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Nghị định về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ. Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ. Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý (tối thiểu 01 lần/02 năm đối với hệ thống cấp độ 1, cấp độ 2).

- Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu ngoại tuyến “offline”. Với chiến lược sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1: Có ít nhất 03 bản sao dữ liệu, lưu trữ bản sao trên 02 phương tiện lưu trữ khác nhau, với 01 bản sao lưu ngoại tuyến “offline” (sử dụng tape/USB/ổ cứng di động, ...). Dữ liệu sao lưu offline phải được tách biệt hoàn toàn, không kết nối mạng, cô lập để phòng chống tấn công leo thang vào hệ thống lưu trữ.

- Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT (phần cứng, phần mềm, website,...). Trang thông tin điện tử của Sở GDĐT được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Hoàn thiện quy trình, phương án,

giải pháp ứng cứu sự cố, sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin khi gặp sự cố, đưa hoạt động của hệ thống thông tin trở lại bình thường, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 giờ hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ, đặc biệt là đối với các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp.

9. Phát triển chính quyền số

- Triển khai quản trị số để nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số:

+ Khai thác sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin đã được đầu tư, triển khai như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thư điện tử công vụ (@tayninh.gov.vn), Công thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tây Ninh.

+ Tăng cường gửi, nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan nhà nước; xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo quy định, sử dụng thư điện tử tỉnh trong trao đổi văn bản điện tử theo Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ, chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ, thiết bị lưu khóa bí mật và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin trên Trang thông tin điện tử của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

+ Tiếp tục thực hiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, hệ thống theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, triển khai hiệu quả công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh hợp tác trực tuyến hướng đến mục tiêu hợp không tập trung nhiều và không giấy tờ. Thúc đẩy triển khai sử dụng ứng dụng “Tây Ninh Smart”. Đây là kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp của tỉnh, là “điểm chạm” để người dân, doanh nghiệp tiếp cận với nhiều thông tin, dịch vụ số do chính quyền cung cấp, đồng thời giúp nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Nghiêm túc tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân qua các kênh tương tác trên môi trường số theo quy định.

- Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức, tích cực sử dụng trợ lý ảo khi được Sở Khoa học và Công nghệ triển khai mở rộng cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

10. Xã hội số

- Tiếp tục triển khai thực hiện phát triển xã hội số theo Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Phát triển trường học số: Triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh. Trước hết là ứng dụng công

nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường và trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 2089/SGDDĐT-QLCL-CĐS ngày 15/10/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025-2026. Hoàn thiện kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập của ngành. Nghiên cứu, triển khai dạy học trực tuyến ở một số môn học, một số tiết học. Tiếp tục thực hiện đăng ký tuyển sinh đầu cấp, thi tốt nghiệp THPT bằng hình thức trực tuyến; tiếp tục thực hiện đồng bộ học bạ số trong các cơ sở giáo dục về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Công văn số 7282/BGDĐT-GDPT ngày 11/11/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện triển khai học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tiếp tục triển khai Công văn số 1158/SGDDĐT-QLCL-CĐS ngày 08/9/2025 về việc triển khai Hệ thống quản lý thanh toán không dùng tiền mặt và CSDL giáo dục. Đảm bảo 100% các trường học phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thu học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, ưu tiên giải pháp thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ. Tăng số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục đạt trên 90%.

- Đẩy mạnh phát triển, nâng cấp các hệ thống thông tin giáo dục trên các nền tảng số mới nhất về truyền thông xã hội. Rà soát, cắt giảm và đơn giản các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số, mở rộng các dịch vụ hỗ trợ, phục vụ tốt nhất cho người học, người dân và các tổ chức cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công đơn giản, thuận tiện trên di động, cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích cá nhân và tổ chức thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

- Triển khai phổ cập cho công chức, viên chức toàn ngành sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước. Tuyên truyền, thúc đẩy công chức, viên chức toàn ngành thiết lập tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2, tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng dịch vụ số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định, cân đối và lồng ghép các nguồn kinh phí của các chương trình, dự án khác của ngành có liên quan để đảm bảo triển khai các nhiệm vụ tại kế hoạch này và các nhiệm vụ chuyển đổi số khác phát sinh trong năm theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số.

- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, hỗ trợ các phòng chuyên môn trong việc ứng dụng CNTT, phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong hoạt động hành chính của cơ quan.

- Theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ 6 tháng, năm (trước ngày 05 tháng cuối quý) và đột xuất (khi có yêu cầu) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện thực hiện kế hoạch về Sở Khoa học và công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tham mưu thuê các dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm thực hiện phát triển KHCN, ĐMST và CDS các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

1.2. Các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phổ biến, tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về CDS trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức của phòng.

- Tăng cường ứng dụng CNTT, phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong công tác quản lý và điều hành.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số tập trung thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch này (theo Phụ lục I, II của Kế hoạch).

2. UBND xã, phường chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc; các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT

- Tăng cường ứng dụng CNTT, CDS trong công tác quản lý và điều hành. Tuyên truyền, phổ biến kịp thời các thông tin về chuyển đổi số của tỉnh, ngành nhằm nâng cao nhận thức về phát triển KHCN, ĐMST và CDS đến toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, phù hợp với tình hình của đơn vị gửi về Sở GDĐT. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện định kỳ 6 tháng, năm (trước ngày 05 tháng cuối quý) và đột xuất (khi có yêu cầu). Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, trong quá trình thực hiện có gặp khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Sở GDĐT.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số và Đề án 06 của ngành GDĐT Tây Ninh năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở KHCN;
- GD, các P. GD Sở;
- Văn phòng Sở, các phòng thuộc Sở;
- UBND xã, phường;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCL-CDS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Thái

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU ƯU TIÊN THỰC HIỆN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày / / của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, báo cáo	Đơn vị phối hợp
1	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật)	90%	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở
2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đối với thủ tục hành chính có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình).	85%	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở
3	Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình (đối với các dịch vụ công trực tuyến cung cấp toàn trình).	80%	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	
4	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công (đối với dịch vụ công có phát sinh giao dịch thanh toán).	trên 80%	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	100%	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính	90%	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở
7	Cung cấp dữ liệu phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số (theo danh mục UBND tỉnh ban hành)	100%	Phòng KH-TC, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở
8	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	100%	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở
9	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh	100%	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở
10	Tỷ lệ trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	100%	Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành
11	Số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục	Trên 90%	Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành

TT	Nội dung	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, báo cáo	Đơn vị phối hợp
12	Các đơn vị (từ Mầm non đến THPT) thực hiện tuyển sinh đầu cấp theo hình thức trực tuyến.	100%	Phòng QLCL-CĐS	Phòng QLCL-CĐS; Phòng GDMN; Phòng GDPT
13	Công chức cơ quan Sở GDĐT được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số.	100%	Văn phòng Sở, phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDDT ngày / / của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số			
1	Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số	Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	
2	Triển khai công tác kiểm tra, giám sát chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị trực thuộc <i>(xác định nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể)</i>	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	
II	Thể chế số			
1	Kịp thời cụ thể hóa các văn bản, hướng dẫn do Bộ GDĐT, tỉnh ban hành tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin mạng	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	
2	Rà soát cập nhật Danh mục CSDL dùng chung; Danh mục dữ liệu mở và Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	
3	Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, CSDL; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, CSDL của ngành để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	
4	Xây dựng các quy định, quy chế phối hợp trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành và trong thực hiện cung cấp CSDL chuyên ngành, CSDL mở	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
III	Hạ tầng số			
1	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số năm 2026	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	Quý I, II năm 2026
2	Trang bị, nâng cấp máy tính, thiết bị công nghệ thông tin đầu cuối phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ.	Văn phòng Sở, phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	Thường xuyên
3	Triển khai mua sắm, nâng cấp máy chủ, hạ tầng mạng phục vụ lưu trữ dữ liệu chuyển đổi số. Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành	Phòng KH-TC, phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên
IV	Nhân lực số			
1	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức	Phòng TCCB, Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên
2	Chủ động chuẩn hóa đội ngũ, đảm bảo nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị mình phục vụ cho triển khai chuyển đổi số, đảm bảo bố trí ít nhất 1 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.	Phòng TCCB	Các phòng Sở, Toàn ngành	Thường xuyên
3	Phối hợp triển khai các nhiệm vụ theo hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương nhằm thúc đẩy đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các phòng Sở	Toàn ngành	Thường xuyên
V	Dữ liệu số			
1	Xây dựng, hoàn thiện CSDL dùng chung, chuyên ngành theo Quyết định của UBND tỉnh.	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	Định kỳ tháng 6, tháng 9, tháng 1
2	Cung cấp, cập nhật đầy đủ kịp thời dữ liệu Bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh.	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	Định kỳ

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Triển khai cung cấp đầy đủ dữ liệu mở theo Quyết định của UBND tỉnh	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	Định kỳ tháng 6, tháng 9, tháng 1
4	Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và tái sử dụng dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.	Phòng KH-TC, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	Thường xuyên
5	Triển khai Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 18/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở, toàn ngành	Thường xuyên
VI	An toàn thông tin mạng			
1	Hoàn thiện phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt; thực hiện nguyên tắc hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin mạng chưa đưa vào sử dụng. Sử dụng hiệu quả Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.	Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên
2	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin định kỳ cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý (tối thiểu 01 lần/02 năm đối với hệ thống cấp độ 1, cấp độ 2; 01 lần/năm đối với hệ thống thông tin cấp độ 3) theo Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Nghị định về đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.	Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên
3	Định kỳ thực hiện sao lưu dữ liệu ngoại tuyến “offline”. Với chiến lược sao lưu dữ liệu theo nguyên tắc 3-2-1: có ít nhất 03 bản sao dữ liệu, lưu trữ bản sao trên 02 phương tiện lưu trữ khác nhau, với 01 bản sao lưu ngoại tuyến “offline” (sử dụng tape/USB/ổ cứng di động, ...). Dữ liệu sao lưu offline phải được tách biệt hoàn toàn, không kết nối mạng, cô lập để phòng chống tấn công leo thang vào hệ thống lưu trữ.	Phòng QLCL-CĐS		Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
VII	Chính quyền số			
1	Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Các phòng Sở	Toàn ngành	Thường xuyên
2	Xây dựng, triển khai các nền tảng, ứng dụng, dữ liệu số của ngành	Các phòng Sở	Toàn ngành	Thường xuyên
3	Duy trì thực hiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, hệ thống theo dõi nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	Thường xuyên
4	Khai thác sử dụng có hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin đã được đầu tư, triển khai, đặc biệt là các hệ thống có quy mô quốc gia và ứng dụng dùng chung của tỉnh.	Các phòng Sở	Toàn ngành	Thường xuyên
5	Tăng cường gửi, nhận văn bản điện tử có ký số giữa các cơ quan nhà nước; xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo quy định.	Các phòng Sở	Toàn ngành	Thường xuyên
6	Cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	Các phòng Sở	Thường xuyên
7	Nghiêm túc tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân qua các kênh tương tác trên môi trường số theo quy định.	Văn phòng Sở, Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên
8	Nghiên cứu triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.	Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên
VIII	Xã hội số			
1	Tiếp tục triển khai Công văn số 6646/BGDĐT-KHTC ngày 20/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt	Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên trong năm
2	Phát triển trường học số. Ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến	Phòng GDMN, GDPT, GDNN- GDTX, QLCL-CĐS	Phòng KH-TC; các cơ sở giáo dục	Thường xuyên trong năm

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
3	Nghiên cứu, đưa chương trình đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp trung học cơ sở	Phòng GDPT	Các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
IX	Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông			
1	Chủ động tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số dưới nhiều hình thức (<i>cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...</i>)	Toàn ngành		Thường xuyên
2	Tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số. Nghiên cứu, tham khảo các bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số thành công của các bộ, ngành, địa phương khác tại Cổng thông tin về chuyển đổi số quốc gia (https://dx.gov.vn) để vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, địa phương mình	Phòng GDMN, GDPT, GDNN-GDTX, QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên
3	Xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026, Phong trào Bình dân học vụ số, Mô hình Đại sứ số - Gia đình số	Phòng QLCL-CĐS	Toàn ngành	Thường xuyên
4	Quản lý, cập nhật thường xuyên thông tin về chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử của Sở GDĐT	Phòng QLCL-CĐS	Văn phòng Sở	Thường xuyên